

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2024

*“V/v Tranh chấp về
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy H

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Nhiên và bà Nguyễn Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 254/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST – DS ngày 28/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1976

- Bị đơn: Anh Phạm Tiến N, sinh năm 1973.

Cùng nơi cư trú: Số nhà 02, ngõ 25, đường NK, tổ 6, phường ĐT, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình.

Chị H có mặt. Anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 29/8/2023 và bản tự khai chị Trịnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến N đăng ký kết hôn và chung sống với nhau ngày 17/12/1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 9/2001 thì xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không quan tâm chăm sóc vợ con mà có quan hệ với người khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã có lần anh N đã đánh chị H khiến chị H phải đi viện điều trị, mặc dù được khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi, vẫn có quan hệ bên ngoài với người khác. Vì vậy cuộc

sống vợ chồng luôn căng thẳng và mâu thuẫn kéo dài. Chị H thấy không còn tình cảm gì với anh N, không thể tiếp tục chung sống với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị Trịnh Thị H trình bày: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Bảo Ng, sinh ngày 25/7/2001 và cháu Phạm Bảo L, sinh ngày 17/10/2007. Cháu Ng đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, Chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo L, và chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Phạm Tiến N có bản tự khai về con chung đúng như lời trình bày của chị H, về quan hệ vợ chồng N cho rằng vợ chồng tương đối hoà thuận, mâu thuẫn mới phát sinh từ cuối tháng 8/2023 nguyên nhân do chị H phát hiện tin nhắn trong điện thoại anh N nên ghen tuông, vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng ly thân, không quan tâm đến nhau, anh N mong muốn hoà giải để các con có gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình xác minh tại nơi cư trú, xác định nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Bà Châu Thị L là hàng xóm cho biết bà có chứng kiến vợ chồng anh chị H N nhiều lần mâu thuẫn cãi vã to tiếng dẫn tới bạo lực; Bà Nguyễn Thị Thuý V tổ trưởng tổ dân phố cung cấp thông tin được biết vợ chồng chị H N mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân do anh N có mối quan hệ bên ngoài và đề nghị toà án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng:

+ *Việc tuân theo pháp luật:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thấy rằng: Thẩm phán đã chấp hành tốt quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Quá trình điều tra xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ *Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trịnh Thị H đã chấp hành thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 71 BLTTDS, bị đơn có lời khai, tham gia hoà giải nhưng không đồng ý ly hôn, đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt. Toà án giải quyết vắng mặt bị đơn là vẫn đảm bảo đúng quy định tại điều 72 của BLTTDS.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn của chị H và anh N là tự nguyện hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy

ra bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh N có quan hệ với người khác, không quan tâm chăm sóc vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn xin ly hôn, xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Bảo Linh cho chị Trịnh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Chị H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Trịnh Thị H rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết;

Về công nợ chung: Chị H và anh N đã thanh toán xong nợ chung trước khi xét xử nên tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

(1) *Về tố tụng*: Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ Tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn và nuôi con khi ly hôn; Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền; Việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị H và anh N đúng quy định của pháp luật; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh N đảm bảo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự, anh N vắng mặt không có lý do; Tòa án xét xử trong thời hạn luật định.

(2) *Về nội dung*:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, anh N không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nghi ngờ không tin tưởng lẫn nhau, chị H nghi ngờ anh N có mối quan hệ với người khác bên ngoài. Vì vậy cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và mâu thuẫn kéo dài. Chị H nhận thấy không còn tình cảm gì với anh N nữa và không thể tiếp tục chung sống với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N thường xuyên mâu thuẫn không giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử cho chị H được ly hôn anh N.

- *Về con chung*: Cháu Phạm Bảo Ngọc đã trưởng thành vợ chồng không yêu cầu giải quyết, cháu hiện đang học lớp 11, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Linh và không yêu cầu anh N đóng góp nuôi con. Xét cháu Linh là con gái, chị H là giáo viên dạy gần nhà có đủ điều kiện nuôi con, cháu Linh có nguyện vọng ở cùng mẹ. Do đó cần giao cháu Phạm Bảo Linh cho chị Trịnh Thị H được

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật, chị H chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản*: Chị Trịnh Thị H rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Toà án không xem xét giải quyết;

- *Về công nợ chung*: Chị H và anh N đã thanh toán xong nợ chung trước khi xét xử nên toà án không xem xét giải quyết.

(3) *Về án phí*: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

(4) *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định;

Vĩ lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81 và Điều 82, Điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị H. Chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Phạm Tiến N.

- *Về con chung*: Giao cháu Phạm Bảo Linh cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Tiến N có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở, anh N không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để cản trở, gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung và công nợ chung do nguyên đơn rút yêu cầu.

- *Về án phí*: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với 300.000^d tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00005081 ngày 08/9/2023.

- *Quyền kháng cáo*: Chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Tiến N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

*Các đương sự
TAND tỉnh Hòa Bình
VKSND TP Hòa Bình
Chi cục Thi hành án TP Hòa Bình;
UBND thị trấn Đà Bắc, H Đà Bắc
(nơi đăng ký kết hôn);
Lưu HS, VP*

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thúy H

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hòa Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy H

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Nhiên

Bà Nguyễn Thị Lan

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 254/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST – DS ngày 28/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1976

- Bị đơn: Anh Phạm Tiến N, sinh năm 1973.

Cùng nơi cư trú: Số nhà 02, ngõ 25, đường Nguyễn Khuyến, tổ 6, phường Đồng Tiến, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang chấp hành quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 20/2022 ngày 23/6/2022. Tại Cơ sở cai nghiện số 01 tỉnh Hoà Bình

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ hôn nhân.

- *Ý kiến của hai hội thẩm:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H.
- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự ;

, Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Phạm Tiến N.

- *Ý kiến của thẩm phán:* Đồng ý với hai ý kiến của hai hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3 thành viên.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

- *Ý kiến của hai hội thẩm:* Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81 và Điều 82, Điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Giao cháu Phạm Bảo Linh, sinh ngày 17/10/2007, cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Tiến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, anh N không được lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở, gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Ý kiến của thẩm phán:* Đồng ý với hai ý kiến của hai hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3 thành viên.

3. Tài sản chung và công nợ chung:

- *Ý kiến của hai hội thẩm:* Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung và công nợ chung do nguyên đơn rút yêu cầu.

- *Ý kiến của thẩm phán:* Đồng ý với hai ý kiến của hai hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3 thành viên.

4. Án phí:

- *Ý kiến của hai hội thẩm:* Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00005081 ngày 08/9/2023.

- *Ý kiến của thẩm phán:* Đồng ý với hai ý kiến của hai hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3 thành viên.

5. Về quyền kháng cáo:

- *Ý kiến của hai hội thẩm:* Chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Tiến N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

- *Ý kiến của thẩm phán:* Đồng ý với hai ý kiến của hai hội thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thanh Nhiên

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Thúy H

- *Quyền kháng cáo*: Chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Tiến N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan

Bùi Thanh Nhiên

Nguyễn Thúy H